IPSAS 5—CHI PHÍ ĐI VAY

Lời nói đầu

Chuẩn mực kế toán công quốc tế (IPSAS) này được soạn thảo dựa trên IAS số 23, *Chi phí đi vay* (Bản sửa đổi năm 1993), do Hội đồng chuẩn mực kế toán quốc tế (IASB) ban hành. Các đoạn trích từ IAS 23 được sao chép lại trong ấn phẩm này của Hội đồng chuẩn mực kế toán công quốc tế (IPSASB) thuộc Liên đoàn kế toán quốc tế (IFAC) với sự cho phép của Tổ chức ủy ban chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế (IFRS Foundation).

Tài liệu về Chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế (IFRSs) được IASB xuất bản bằng tiếng Anh và các bản copy có thể được nhận trực tiếp từ bộ phận xuất bản IFRS, Tầng 1, 30 Cannon Street, London EC4M 6XH, Vương quốc Anh.

E-mail: publications@ifrs.org

Internet: www.ifrs.org

IFRSs, IASs, các bản thảo và các ấn phẩm khác của IASB thuộc bản quyền của IFRS Foundation.

"IFRS," "IAS," "IASB," "IFRS Foundation," "Chuẩn mực kế toán quốc tế," và "Chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế" là các thương hiệu của IFRS Foundation và không được phép sử dụng nếu không được sự chấp thuận của IFRS Foundation.

IPSAS 5—CHI PHÍ ĐI VAY

Lịch sử của IPSAS

Phiên bản này đã cập nhật những sửa đổi đối với các IPSAS được ban hành đến ngày 31/01/2018.

IPSAS 5, *Chi phí đi vay* được ban hành lần đầu vào tháng 5/ 2000.

Từ đó đến nay, IPSAS 5 tiếp tục được sửa đổi bởi các Chuẩn mực sau:

- *Khả năng áp dụng các IPSAS* (ban hành tháng 4/2016)
- *Bản cải tiến các Chuẩn mực kế toán công quốc tế* 2015 (ban hành tháng 04/2016)
- IPSAS 33, *Áp dụng lần đầu các IPSAS dựa trên cơ sở dồn tích* (ban hành tháng 01/2015)
- IPSAS 32, *Thỏa thuận nhượng quyền dịch vụ: bên cấp quyền* (ban hành tháng 10/2011)

Bảng tổng hợp các đoạn được sửa đổi trong IPSAS 5

Đoạn bị ảnh hưởng	Mức độ ảnh hưởng	Ảnh hưởng bởi
2	Xóa bỏ	Khả năng áp dụng các IPSAS ban hành tháng 4/2016
3	Xóa bỏ	Khả năng áp dụng các IPSAS ban hành tháng 4/2016
6	Sửa đổi	IPSAS 32 ban hành tháng 10/2011
11	Xóa bỏ	Khả năng áp dụng các IPSAS ban hành tháng 04/2016
19	Sửa đổi	Khả năng áp dụng các IPSAS ban hành tháng 04/2016

Đoạn bị ảnh hưởng	Mức độ ảnh hưởng	Ảnh hưởng bởi
41	Xóa bỏ	IPSAS 33 ban hành tháng 01/2015
42A	Thêm mới	IPSAS 32 ban hành tháng 10/2011
42B	Thêm mới	IPSAS 33 ban hành tháng 01/2015
42C	Thêm mới	Khả năng áp dụng các IPSAS ban hành tháng 4/2016
43	Sửa đổi	IPSAS 33 ban hành tháng 01/2015

Tháng 5/2000

IPSAS 5—CHI PHÍ ĐI VAY

NỘI DUNG

	Paragraph
Mục đích	
Phạm vi	1–4
Các định nghĩa	5–13
Chi phí đi vay	6
Đơn vị kinh tế	7–9
Lợi ích kinh tế tương lai hoặc dịch vụ tiềm tàng	10
Các đơn vị kinh doanh bằng vốn nhà nước	11
Tài sản thuần/vốn chủ sở hữu	12
Tài sản dở dang	13
Chi phí đi vay—Phương pháp chuẩn	14–16
Ghi nhận	14–15
Trình bày thông tin	16
Chi phí đi vay—Phương pháp thay thế được chấp nhận	17–39
Ghi nhận	17–20
Chi phí đi vay đủ tiêu chuẩn vốn hóa	21–29
Phần chênh lệch giữa giá trị ghi sổ của tài sản dở dang và giá trị có thể thu hồi của tài sản đó	30
Thời điểm bắt đầu vốn hóa	31–33
Tạm ngừng vốn hóa	34–35
Chấm dứt vốn hóa	36–39
Trình bày thông tin	40
Điều khoản về thời gian chuyển tiếp	41
Ngày hiệu lực	42–43
Cơ sở kết luận	

Nội dung của IPSAS 5, *Chi phí đi vay*, được trình bày trong phần mục đích và từ đoạn 1 đến đoạn 43. Tất cả các đoạn đều có giá trị như nhau. Cần đọc IPSAS 5 trong ngữ cảnh mục tiêu của chuẩn mực và *Lời tựa cho Chuẩn mực kế toán công quốc tế, và Khung khái niệm cho Báo cáo Tài chính mục đích chung của các đơn vị công*. IPSAS 3, *Chính sách kế toán, thay đổi trong ước tính kế toán và các sai sót* đưa ra cơ sở để đơn vị lựa chọn và áp dụng các chính sách kế toán trong trường hợp chưa có các hướng dẫn cụ thể.

Mục đích

Chuẩn mực này quy định phương pháp kế toán chi phí đi vay. Nhìn chung chuẩn mực này quy định chi phí đi vay phải được hạch toán vào chi phí ngay khi phát sinh. Tuy nhiên theo phương pháp thay thế được chấp nhận, chuẩn mực này cho phép vốn hóa chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc sản xuất một tài sản dở dang.

Phạm vi

1. **Chuẩn mực này được áp dụng trong hạch toán chi phí đi vay.**

2. [Xóa bỏ]

3. [Xóa bỏ]

4. Chuẩn mực này không áp dụng đối với chi phí trực tiếp hoặc chi phí cơ hội của tài sản thuần/vốn chủ sở hữu. Ở các nước áp dụng phí sử dụng vốn đối với các đơn vị riêng lẻ thì cần sử dụng các xét đoán để xác định liệu phí sử dụng vốn đó có thỏa mãn định nghĩa chi phí đi vay hay không, hay cần được kế toán như một khoản chi phí trực tiếp hoặc chi phí cơ hội cho việc sử dụng tài sản thuần/vốn chủ sở hữu.

Các định nghĩa

5. **Các thuật ngữ được sử dụng trong chuẩn mực này được hiểu như sau:**

   <u>Chi phí đi vay</u> là tiền lãi vay và các chi phí khác đơn vị phải gánh chịu phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của đơn vị.

   <u>Tài sản dở dang</u> là một tài sản cần có thêm một khoảng thời gian đủ dài để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích đã định trước hoặc đem bán.

   Các thuật ngữ đã được định nghĩa trong các chuẩn mực kế toán công quốc tế khác được sử dụng trong chuẩn mực này có cùng nghĩa như trong các chuẩn mực đó, và được sao chép lại trong *Bản danh sách các thuật ngữ đã được định nghĩa* đã được xuất bản riêng.

Chi phí đi vay

6. Chi phí đi vay có thể bao gồm:

   (a) Lãi phải trả cho các khoản thấu chi và các khoản vay ngắn hạn, dài hạn;

   (b) Phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội liên quan đến các khoản vay;

   (c) Phân bổ các khoản phụ phí phát sinh liên quan đến việc thu xếp các khoản vay;

   (d) Các khoản phí tài chính trong các thỏa thuận thuê tài chính và nhượng quyền dịch vụ; và

   (e) Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh từ các khoản vay bằng ngoại tệ trong trường hợp được coi là một khoản điều chỉnh đối với chi phí lãi vay.

Đơn vị kinh tế

7. Thuật ngữ đơn vị kinh tế được sử dụng trong chuẩn mực này để chỉ một tập hợp bao gồm một đơn vị kiểm soát và tất cả các đơn vị chịu kiểm soát của đơn vị đó cho mục đích lập báo cáo tài chính.

8. Các thuật ngữ khác có thể sử dụng thay thế để chỉ đơn vị kinh tế là đơn vị hành chính, đơn vị tài chính, đơn vị hợp nhất và nhóm.

.9. Một đơn vị kinh tế có thể bao gồm cả các đơn vị hoạt động vì mục tiêu xã hội và mục tiêu thương mại. Ví dụ một cơ quan phụ trách vấn đề nhà ở của chính phủ có thể là một đơn vị kinh tế bao gồm các đơn vị cung cấp nhà ở với giá ưu đãi và các đơn vị cung cấp nhà ở với giá cao phục vụ mục đích thương mại.

Lợi ích kinh tế tương lai hoặc dịch vụ tiềm tàng

10. Tài sản cung cấp phương tiện để các đơn vị đạt được mục tiêu của mình. Những tài sản được sử dụng để cung cấp hàng hóa dịch vụ phù hợp với mục tiêu của một đơn vị nhưng không trực tiếp tạo ra luồng tiền vào thì thường được mô tả là dịch vụ tiềm tàng. Những tài sản được sử dụng để trực tiếp tạo ra luồng tiền vào thường được mô tả là "lợi ích kinh tế tương lai". Để bao quát tất cả các mục đích sử dụng tài sản, chuẩn mực này sử dụng thuật ngữ "Lợi ích kinh tế tương lai hoặc dịch vụ tiềm tàng" để mô tả đặc điểm cơ bản của tài sản.

Các đơn vị kinh doanh bằng vốn nhà nước

11. [Xóa bỏ]

Tài sản thuần/vốn chủ sở hữu

12. Tài sản thuần/vốn chủ sở hữu là thuật ngữ được sử dụng trong chuẩn mực này để chỉ phần giá trị còn lại của tài sản trong báo cáo tình hình tài chính sau khi đã trừ hết nợ phải trả. Tài sản thuần/vốn chủ sở hữu có thể dương hoặc âm. Các thuật ngữ khác có thể được sử dụng thay thể cho thuật ngữ tài sản thuần/vốn chủ sở hữu, miễn là các thuật ngữ đó có ý nghĩa rõ ràng.

Tài sản dở dang

13. Các ví dụ về tài sản dở dang bao gồm tòa nhà văn phòng, bệnh viện, tài sản cơ sở hạ tầng như cầu đường, nhà máy sản xuất năng lượng, và hàng tồn kho… cần có một khoảng thời gian đủ dài để có thể đưa chúng vào trạng thái có thể sử dụng hoặc đem bán. Các khoản đầu tư khác và các tài sản được sản xuất thường xuyên trong một khoảng thời gian ngắn không được coi là tài sản dở dang. Các tài sản đã ở trạng thái sẵn sàng sử dụng hoặc đem bán ngay khi được mua vào cũng không được coi là tài sản dở dang.

Chi phí đi vay—Phương pháp chuẩn

Ghi nhận

14. **Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí ngay trong kỳ phát sinh.**

15. Theo phương pháp chuẩn, chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí ngay trong kỳ phát sinh mà không quan tâm đến mục đích của khoản vay.

Trình bày thông tin

16. **Báo cáo tài chính phải trình bày thông tin về chính sách kế toán áp dụng trong kế toán chi phí đi vay**.

Chi phí đi vay—Phương pháp thay thế được chấp nhận

Ghi nhận

17. **Chi phí đi vay phải được ghi nhận là chi phí ngay trong kỳ phát sinh, trừ khi các chi phí này được vốn hóa theo hướng dẫn tại đoạn 18**.

18. **Chi phí đi vay phát sinh trực tiếp liên quan đến việc mua sắm, xây dựng hoặc sản xuất một tài sản dở dang được vốn hóa như một phần giá vốn của tài sản đó. Số chi phí đi vay đủ tiêu chuẩn vốn hóa được xác định theo quy định của chuẩn mực này.**

19. Theo phương pháp thay thế được chấp nhận, chi phí đi vay phát sinh liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc sản xuất một tài sản được tính vào giá vốn của tài sản đó. Các chi phí đi vay này được vốn hóa như một phần trong giá vốn của tài sản khi (a) chắc chắn mang lại lợi ích kinh tế tương lai hoặc dịch vụ tiềm tàng cho đơn vị, và (b) chi phí có thể xác định một cách đáng tin cậy. Các chi phí đi vay khác phải được ghi nhận là chi phí ngay trong kỳ phát sinh.

20. **Nếu một đơn vị áp dụng phương pháp thay thế được chấp nhận, đơn vị phải áp dụng phương pháp này một cách nhất quán đối với tất cả các chi phí đi vay phát sinh trực tiếp liên quan đến việc mua sắm, xây dựng hoặc sản xuất tất cả các tài sản dở dang của đơn vị.**

Chi phí đi vay đủ tiêu chuẩn vốn hóa

21. Chi phí đi vay phát sinh liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc sản xuất một tài sản dở dang là các chi phí đi vay sẽ không phát sinh nếu các khoản chi cho tài sản dở dang đó không được thực hiện. Khi đơn vị có khoản đi vay sử dụng riêng cho mục đích có được tài sản dở dang cụ thể nào đó thì phần chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến tài sản dở dang đó có thể xác định được ngay.

22. Trong một số trường hợp, có thể khó xác định mối quan hệ trực tiếp giữa các khoản vay cụ thể với một tài sản dở dang và khó xác định khoản vay đáng lẽ ra có thể không được thực hiện. Ví dụ, khó khăn đó xảy ra khi hoạt động tài chính của đơn vị được điều phối tập trung hoặc khi một đơn vị kinh tế sử dụng một số công

cụ nợ để vay vốn theo các mức lãi suất khác nhau và sau đó chuyển lại số vốn vay đó cho các đơn vị khác trong cùng đơn vị kinh tế theo các cơ sở khác nhau. Các khoản vốn được vay một cách tập trung có thể được chuyển cho các đơn vị khác trong nội bộ đơn vị kinh tế dưới hình thức cho vay, viện trợ hoặc góp vốn. Các khoản chuyển giao này có thể không chịu lãi hoặc chỉ chịu một phần lãi thực tế. Các vấn đề phức tạp khác nảy sinh (a) qua việc sử dụng khoản vay bằng ngoại tệ hoặc liên quan đến ngoại tệ, (b) khi đơn vị kinh tế hoạt động trong các nền kinh tế siêu lạm phát, và (c) qua sự biến động của tỷ giá hối đoái. Theo đó, việc xác định số chi phí đi vay có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc sản xuất một tài sản dở dang là khó khăn và cần tới sự xét đoán.

23. **Trong trường hợp khoản vay được dành riêng cho mục đích có được một tài sản dở dang, chi phí đi vay đủ tiêu chuẩn vốn hóa vào tài sản đó được xác định bằng chi phí đi vay thực tế phát sinh từ khoản vay đó trong kỳ, trừ đi các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời khoản vốn vay đó nếu có**.

24. Việc thu xếp tài chính cho một tài sản dở dang có thể dẫn đến việc đơn vị đi vay vốn và phải gánh chịu các khoản chi phí đi vay trước khi chi một số hoặc tất cả các khoản vay cho tài sản dở dang đó. Trong trường hợp này, các khoản vay thường được đem đầu tư tạm thời cho đến khi thực hiện chi cho tài sản dở dang đó. Khi xác định số chi phí đi vay đủ tiêu chuẩn vốn hóa trong kỳ, các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời khoản vốn vay đó phải được trừ vào chi phí đi vay phát sinh.

25. **Trong trường hợp khoản vay được vay chung và sử dụng cho mục đích có được một tài sản dở dang thì số chi phí đi vay đủ tiêu chuẩn vốn hóa được xác định bằng cách áp dụng một tỷ lệ vốn hóa đối với các khoản chi cho tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được xác định theo tỷ lệ bình quân gia quyền của chi phí đi vay của tất cả các khoản vay chưa trả trong kỳ của đơn vị, thay vì các khoản vay được dành riêng cho mục đích có được một tài sản sở dang. Số chi phí đi vay được vốn hóa trong kỳ không được lớn hơn tổng số chi phí đi vay phát sinh trong kỳ đó**.

26. Chỉ có các khoản chi phí đi vay tương ứng với các khoản vay của đơn vị mới được vốn hóa. Khi một đơn vị kiểm soát vay vốn và chuyển xuống cho một đơn vị chịu kiểm soát mà không tính lãi hoặc chỉ tính một phần lãi thì đơn vị chịu kiểm soát chỉ được vốn hóa phần chi phí đi vay mà bản thân đơn vị đó phải gánh chịu. Khi một đơn vị chịu kiểm soát nhận được một khoản góp vốn hoặc một khoản tài trợ vốn thì đơn vị đó không phải gánh chịu bất kỳ khoản chi phí đi vay nào, do đó cũng không được vốn hóa bất kỳ chi phí đi vay nào.

27. Khi một đơn vị kiểm soát chuyển vốn cho một đơn vị chịu kiểm soát và chỉ tính một phần lãi thì đơn vị chịu kiểm soát chỉ được vốn hóa phần chi phí đi vay mà bản thân đơn vị đó phải gánh chịu. Trong báo cáo tài chính của đơn vị kinh tế, toàn bộ chi phí đi vay có thể được vốn hóa vào tài sản dở dang, với điều kiện các bút toán điều chỉnh hợp nhất phù hợp phải được thực hiện để loại trừ các chi phí đã

được đơn vị chịu kiểm soát vốn hóa.

28. Khi một đơn vị kiểm soát chuyển vốn cho một đơn vị chịu kiểm soát mà không tính lãi thì cả đơn vị kiểm soát và đơn vị chịu kiểm soát đều không đáp ứng tiêu chí vốn hóa chi phí đi vay. Tuy nhiên, nếu đơn vị kinh tế đáp ứng tiêu chí vốn hóa chi phí đi vay thì có thể thực hiện vốn hóa chi phí đi vay đó vào tài sản dở dang trong các báo cáo tài chính của đơn vị kinh tế.

29. Trong một số trường hợp, có thể gộp tất cả chi phí đi vay của đơn vị kiểm soát và đơn vị chịu kiểm soát để tính chi phí đi vay bình quân; trong các trường hợp khác, mỗi đơn vị chịu kiểm soát chỉ được tính chi phí đi vay bình quân căn cứ vào các khoản vay của chính đơn vị đó.

Phần chênh lệch giữa giá trị ghi sổ của tài sản dở dang và giá trị có thể thu hồi của tài sản đó

30. Khi giá trị ghi sổ hoặc giá vốn ước tính cuối cùng của tài sản dở dang vượt quá giá trị có thể thu hồi hoặc giá trị thuần có thể thực hiện được của tài sản dở dang đó thì phải ghi giảm hoặc xóa bỏ giá trị ghi sổ theo quy định tại IPSAS 21, *Tổn thất của tài sản không tạo tiền* hoặc IPSAS 26, *Tổn thất của tài sản tạo ra tiền* tùy từng trường hợp cụ thể. Trong những trường hợp nhất định, giá trị đã ghi giảm hoặc xóa sổ được hoàn nhập theo hướng dẫn của các chuẩn mực khác đó.

Thời điểm bắt đầu vốn hóa

31. **Việc vốn hóa chi phí đi vay vào giá vốn của tài sản dở dang được bắt đầu khi**:

    (a) **Các khoản chi cho tài sản đó bắt đầu phát sinh**;

    (b) **Chi phí đi vay đã bắt đầu phát sinh; và**

    (c) **Các hoạt động cần thiết để đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng hoặc đem bán đang được triển khai**.

32. Các khoản chi cho tài sản dở dang chỉ bao gồm các khoản chi phải thanh toán bằng tiền mặt, chuyển giao tài sản, hoặc chấp nhận các khoản nợ phải trả lãi. Giá trị ghi sổ bình quân của tài sản trong kỳ, bao gồm cả chi phí đi vay đã được vốn hóa trước đó, thường là giá trị ước tính hợp lý để xác định tỷ lệ vốn hóa được áp dụng trong kỳ.

33. Các hoạt động cần thiết để đưa tài sản vào trạng thái có thể sử dụng hoặc đem bán không chỉ bao gồm hoạt động xây dựng tài sản đó về mặt vật chất mà còn bao gồm các công việc về mặt kỹ thuật hoặc hành chính thực hiện trước khi tiến hành xây dựng vật chất, ví dụ như việc xin giấy phép xây dựng. Tuy nhiên, các hoạt động này không bao gồm việc nắm giữ tài sản khi hoạt động sản xuất hoặc xây dựng nhằm thay đổi tình trạng của tài sản không diễn ra. Ví dụ như chi phí đi vay phát sinh trong giai đoạn chuẩn bị mặt bằng được vốn hóa trong kỳ diễn ra các hoạt động chuẩn bị mặt bằng. Tuy nhiên, chi phí đi vay phát sinh trong giai đoạn đất đai đã mua để xây dựng nhà cửa nhưng không có bất kỳ hoạt động triển khai nào thì không đủ điều kiện vốn hóa.

Tạm ngừng vốn hóa

34. **Việc vốn hóa các chi phí đi vay phải được tạm ngừng lại trong các kỳ kế tiếp mà hoạt động triển khai bị gián đoạn**.

35. Chi phí đi vay có thể phát sinh trong kỳ kế tiếp khi các hoạt động cần thiết để đưa tài sản vào trạng thái có thể sử dụng hoặc đem bán bị gián đoạn. Các chi phí này là chi phí để nắm giữ tài sản đã hoàn thành một phần và không đủ tiêu chuẩn vốn hóa. Tuy nhiên việc vốn hóa chi phí đi vay thường không bị tạm ngừng trong kỳ có diễn ra các hoạt động kỹ thuật và hành chính quan trọng. Việc vốn hóa chi phí đi vay cũng không bị tạm ngừng khi sự gián đoạn tạm thời là một phần cần thiết của quá trình đưa tài sản vào trạng thái có thể sử dụng hoặc đem bán. Ví dụ như việc vốn hóa vẫn được tiếp tục trong khoảng thời gian cần để hoàn thiện hàng tồn kho hoặc khi mực nước cao làm gián đoạn việc xây dựng một cây cầu, nếu hiện tượng mực nước lên cao đó thường phổ biến trong vùng địa lý xây dựng cầu.

Chấm dứt vốn hóa

36. **Việc vốn hóa chi phí đi vay phải được chấm dứt khi tất cả các hoạt động cần thiết chuẩn bị cho việc đưa tài sản dở dang vào trạng thái có thể sử dụng hoặc đem bán đã hoàn thành.**

37. Một tài sản thường sẵn sàng cho mục đích sử dụng ban đầu hoặc đem bán khi việc xây dựng hình thái vật chất của tài sản đã hoàn thành, ngay cả khi các công việc hành chính thường xuyên liên quan vẫn đang tiếp diễn. Trong trường hợp chỉ còn các sửa đổi nhỏ, ví dụ như trang trí tài sản theo yêu cầu của người mua hoặc người sử dụng, cần hoàn thiện thì về cơ bản tất cả các hoạt động cần thiết vẫn được coi là đã hoàn thành.

38. **Khi việc xây dựng một tài sản dở dang đã hoàn thành từng hạng mục và mỗi hạng mục có thể đưa vào sử dụng trong khi các hạng mục khác vẫn đang tiếp tục xây dựng thì việc vốn hóa chi phí đi vay phải dừng lại khi tất cả các hoạt động cần thiết cho việc đưa hạng mục đó vào sử dụng theo mục đích ban đầu hoặc đem bán đã hoàn thành**.

39. Một tổ hợp văn phòng có thể bao gồm nhiều tòa nhà, mỗi tòa nhà có thể sử dụng riêng biệt, là một ví dụ về tài sản dở dang trong đó mỗi hạng mục có thể đưa vào sử dụng trong khi các hạng mục khác vẫn đang được xây dựng. Các ví dụ về tài sản dở dang cần hoàn thành trước khi bất kỳ hạng mục nào có thể đưa vào sử dụng bao gồm (a) một phòng mổ trong bệnh viện chỉ được đưa vào sử dụng khi tất cả các phần việc xây dựng bệnh viện đó đã hoàn thành, (b) một nhà máy xử lý nước thải nơi có rất nhiều công đoạn được thực hiện kế tiếp tại các hạng mục khác nhau của nhà máy, và (c) một cây cầu trên một con đường cao tốc.

Trình bày thông tin

40. **Báo cáo tài chính phải trình bày các thông tin sau**:

    (a) **Chính sách kế toán áp dụng trong kế toán chi phí đi vay;**

(b) **Tổng số chi phí đi vay được vốn hóa trong kỳ; và**

(c) **Tỷ lệ vốn hóa được sử dụng để xác định số chi phí đi vay đủ tiêu chuẩn vốn hóa (trong trường hợp cần sử dụng tỷ lệ vốn hóa đối với các khoản vay chung).**

Điều khoản về thời gian chuyển tiếp

41. [Xóa bỏ]

Ngày hiệu lực

42. **Chuẩn mực này được áp dụng để lập báo cáo tài chính hàng năm cho kỳ kế toán bắt đầu hoặc sau ngày 01/01/2001. Các đơn vị được khuyến khích áp dụng sớm hơn. Đơn vị cần công bố thông tin nếu áp dụng chuẩn mực này cho kỳ báo cáo bắt đầu trước ngày 01/01/2001.**

42A. **Đoạn số 6 đã được sửa đổi do IPSAS 32, *Thỏa thuận nhượng quyền dịch vụ: bên cấp quyền* ban hành tháng 10/2011. Đơn vị phải áp dụng các quy định đã được sửa đổi cho báo cáo tài chính hàng năm cho kỳ kế toán bắt đầu hoặc sau ngày 01/01/2014. Đơn vị được khuyến khích áp dụng sớm hơn. Nếu đơn vị áp dụng các sửa đổi này cho kỳ báo cáo trước ngày 01/01/2014, đơn vị cần trình bày thông tin này trên báo cáo và đồng thời phải áp dụng IPSAS 32, các sửa đổi đối với các đoạn 25-27 và 85B của IPSAS 13, các sửa đổi đối với đoạn 5,7 và 107C của IPSAS 17, các sửa đổi đối với đoạn 2 và 125A của IPSAS 29 và các sửa đổi đối với đoạn 6 và 132A của IPSAS 31.**

42B. Các đoạn 41 và 43 đã được sửa đổi do IPSAS 33, *Áp dụng lần đầu các IPSAS dựa trên cơ sở dồn tích* ban hành tháng 01/2015. Đơn vị phải áp dụng các quy định đã được sửa đổi cho báo cáo tài chính hàng năm cho kỳ kế toán bắt đầu hoặc sau ngày 01/01/2017. Đơn vị được phép áp dụng sớm hơn. Nếu đơn vị áp dụng IPSAS 33 cho kỳ kế toán bắt đầu trước ngày 01/01/2017, các sửa đổi này cũng phải được áp dụng cho các kỳ kế toán đó.

42C. Các đoạn 2, 3 và 11 đã bị xóa bỏ do tài liệu *Khả năng áp dụng các IPSAS* ban hành tháng 04/2016. Đơn vị phải áp dụng các quy định đã được sửa đổi này cho báo cáo tài chính hàng năm cho kỳ kế toán bắt đầu hoặc sau ngày 01/01/2018. Đơn vị được khuyến khích áp dụng sớm hơn. Đơn vị cần công bố thông tin nếu áp dụng những sửa đổi này cho kỳ kế toán trước ngày 01/01/2018.

43. Khi đơn vị áp dụng kế toán trên cơ sở dồn tích như được định nghĩa trong các IPSAS 33, *Áp dụng lần đầu các IPSAS dựa trên cơ sở dồn tích* ban hành tháng 01/2015 cho mục đích báo cáo tài chính sau ngày có hiệu lực của chuẩn mực này, chuẩn mực này được áp dụng cho báo cáo tài chính năm được lập vào hoặc sau ngày áp dụng kế toán dồn tích.

Cơ sở kết luận

Cơ sở kết luận này kèm theo, nhưng không phải là một phần của IPSAS 5.

Việc sửa đổi IPSAS 5 là kết quả của *Khả năng áp dụng các Chuẩn mực kế toán công quốc tế* ban hành tháng 04/2016

BC1. Hội đồng Chuẩn mực kế toán công quốc tế đã ban hành *Khả năng áp dụng các IPSAS* vào tháng 04/2016. Thông báo này sửa đổi các nội dung liên quan ở mọi chuẩn mực kế toán như sau:

(a) Xóa bỏ các đoạn chuẩn mực về khả năng áp dụng các chuẩn mực kế toán công quốc tế cho "các đơn vị trong khu vực công không phải là các đơn vị kinh doanh bằng vốn nhà nước (GBEs)" khỏi phần phạm vi của các chuẩn mực;

(b) Thay thế thuật ngữ GBE với thuật ngữ "đơn vị thương mại trong khu vực công" cho phù hợp; và

(c) Sửa đổi đoạn 10 của *Lời tựa cho Hệ thống chuẩn mực kế toán công quốc tế* bằng việc đưa ra mô tả tích cực về đơn vị trong khu vực công mà IPSAS được thiết kế để áp dụng.

Lý do của những thay đổi này đã được đề cập đến ở Cơ sở kết luận của IPSAS 1.

So sánh với IAS 23

IPSAS 5, *Chi phí đi vay* về cơ bản được rút ra từ IAS 23, *Chi phí đi vay* (1993). Những khác biệt chính giữa IPSAS 5 và IAS 23 như sau:

- IPSAS 5 sửa dụng các thuật ngữ khác trong một số trường hợp nhất định so với IAS 23. Ví dụ cơ bản nhất là các thuật ngữ "doanh thu", "báo cáo kết quả hoạt động" và "tài sản thuần/vốn chủ sở hữu" trong IPSAS 5. Các thuật ngữ tương đương trong IAS 23 là "thu nhập", "báo cáo thu nhập" và "vốn chủ sở hữu."
- IPSAS 5 bao gồm các định nghĩa cho các thuật ngữ chuyên môn khác với IAS 23 (đoạn 5).

Các chuẩn mực kế toán công quốc tế, Dự thảo, Tài liệu tham vấn, Hướng dẫn thực hành được khuyến nghị và các ấn phẩm khác của IPSASB đều do IFAC phát hành và thuộc bản quyền của IFAC.

IPSASB và IFAC không chịu trách nhiệm về tổn thất gây ra cho bất kỳ ai thực hiện hoặc không thực hiện các hành động bất kỳ dựa trên các ấn phẩm này, cho dù tổn thất đó là do sơ suất hay nguyên nhân nào khác.

"Uỷ ban Chuẩn mực kế toán công quốc tế", "Chuẩn mực kế toán công quốc tế", "Hướng dẫn thực hành được khuyến nghị", "Liên đoàn kế toán quốc tế", "IPSASB", "IPSAS", "RPG", "IFAC", logo IPSASB và logo IFAC là thương hiệu của IFAC, hoặc thương hiệu và nhãn hiệu dịch vụ đã đăng ký của IFAC tại Hoa Kỳ và các quốc gia khác.

Bản quyền © tháng 9 năm 2018 của Liên đoàn Kế toán Quốc tế (IFAC). Đã đăng ký Bản quyền. Phải có chấp thuận bằng văn bản từ IFAC trước khi sao chép, lưu trữ hoặc truyền tải, hoặc để thực hiện các mục đích sử dụng tương tự khác đối với tài liệu này, ngoại trừ trường hợp tài liệu chỉ được sử dụng cho mục đích cá nhân, phi thương mại. Địa chỉ liên hệ: permissions@ifa.org.

ISBN: 978-1-60815-362-6

Sổ tay chuẩn mực kế toán công quốc tế, phiên bản năm 2018, của Ủy ban chuẩn mực kế toán công quốc tế (IPSASB) do Liên đoàn kế toán quốc tế xuất bản tháng 9 năm 2018 bằng tiếng Anh, đã được Cục Quản lý giám sát kế toán, kiểm toán- Bộ Tài chính Việt Nam dịch sang tiếng Việt vào tháng 4 năm 2023, và được IFAC cho phép sử dụng. Quá trình biên dịch Sổ tay Chuẩn mực kế toán công quốc tế của IPSASB, phiên bản 2018, đã được IFAC xem xét và việc dịch thuật được thực hiện theo "Tuyên bố Chính sách—Chính sách Dịch các Ấn phẩm của Liên đoàn Kế toán Quốc tế." Toàn bộ nội dung đã được phê duyệt Sổ tay Chuẩn mực kế toán công quốc tế của IPSASB, Phiên bản 2018, là nội dung do IFAC xuất bản bằng tiếng Anh. IFAC không chịu trách nhiệm đối với tính chính xác và đầy đủ của bản dịch hoặc đối với các hành động có thể xảy ra sau đó.

Bản tiếng Anh của Sổ tay Chuẩn mực kế toán công quốc tế, Phiên bản 2018 © 2018 của IFAC. Đã được đăng ký bản quyền.

Bản tiếng Việt của Sổ tay Chuẩn mực kế toán công quốc tế, Phiên bản 2018 © 2023 của IFAC. Đã được đăng ký bản quyền.

Tiêu đề gốc: Sổ tay Chuẩn mực kế toán công quốc tế, phiên bản 2018; ISBN: 978-1-60815-362-6.

Liên hệ với Permissions@ifac.org để được phép sao chép, lưu trữ hoặc truyền tải hoặc thực

hiện các mục đích sử dụng tương tự khác đối với tài liệu này.